

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2017/KDTM-PT**
Ngày: 24 – 8 – 2017
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Phượng**

Các Thẩm phán

Ông Lâm Văn Be

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Bảo Ngọc** – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà **Võ Thị Loan** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 16, 21, 24 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2017/TLPT-KDTM ngày 29/6/2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2017/QĐPT-KDTM ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn C;**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp T thuộc xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Phạm Văn T1**, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh - Là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 29/9/2016), có mặt.

2. Bị đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại dịch vụ và sản xuất T;**

Địa chỉ: Khu phố N, phường M, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Lê Gia T2**, sinh năm: 1983; Chức vụ: Giám đốc – Là người đại diện theo pháp luật; địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện BC (nay là huyện BB), tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Đình Thái H** của Công ty Luật B thuộc đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Võ Thành T3**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: đường C, Khu phố H, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Anh **Lê Hoàng N**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện BC (nay là huyện BB), tỉnh Bình Dương, có mặt.

4.2. Anh **Kiều Đình H**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

5. Người kháng cáo: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ và sản xuất T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/9/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phạm Văn T1 trình bày:

Ngày 31/12/2015, Công ty trách nhiệm hữu hạn C (sau đây gọi tắt là Công ty C) có thỏa thuận ký kết Hợp đồng mua bán sắm lớp xe số 22/2016 - HĐMB với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ và sản xuất T (sau đây gọi tắt là Công ty T).

Thực hiện hợp đồng, Công ty C đã xuất hàng cho Công ty T cụ thể bằng các phiếu xuất hàng như sau:

Ngày 28/4/2016, xuất hàng theo đơn hàng số OS0089/T0416, số hóa đơn giá trị gia tăng 0001802 số lượng 435 cái, tổng giá trị phải thanh toán là 61.879.934 đồng.

Ngày 28/4/2016, xuất hàng theo đơn hàng số OS0089/T0416, số hóa đơn giá trị gia tăng 0001803 số lượng 825 cái, tổng giá trị phải thanh toán là 27.120.665 đồng.

Ngày 26/5/2016, xuất hàng theo đơn hàng số OS0089/T0516, số hóa đơn giá trị gia tăng 0002010 số lượng 10 cái, tổng giá trị phải thanh toán là 1.499.998 đồng.

Ngày 26/5/2016, xuất hàng theo đơn hàng số OS0095/T0516, số hóa đơn giá trị gia tăng 0002011 số lượng 375 cái, tổng giá trị phải thanh toán là 54.109.990 đồng.

Ngày 26/5/2016, xuất hàng theo đơn hàng số OS0095/T0516, số hóa đơn giá trị gia tăng 0002012 số lượng 1015 cái, tổng giá trị phải thanh toán là 49.200.624 đồng.

Đến ngày 19/7/2016, Công ty C lập biên bản đối chiếu công nợ cụ thể gồm: Nợ đầu kỳ 50.405.624 đồng, nợ phát sinh mua hàng là 193.761.211 đồng, Công ty T đã thanh toán được 100.000.000 đồng, còn nợ lại là 144.166.835 đồng. Tuy nhiên, Công ty T không trả tiền nợ hàng đã mua.

Nay Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty T trả số tiền mua hàng còn nợ là 144.166.835 đồng, cung cấp 05 phiếu xuất hàng có người vận chuyển hàng (tài xế xe tải biển số 70H - 5834 ký nhận hàng cho Công ty T), không yêu cầu tính tiền lãi.

Trong bản tự khai ngày 10/11/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Ông T2 thừa nhận ngày 31/12/2015, Công ty T có ký Hợp đồng số 22/2016 – HĐMB mua bán vỏ ruột xe Vebee với Công ty C và xác nhận nợ số tiền nợ cũ của Công ty C là 50.405.624 đồng và những chứng từ, phiếu giao hàng do ông T2 trực tiếp ký nhận hàng và những phiếu xuất hàng do anh Lê Hoàng N ký nhận, số tiền 89.000.599 đồng, tổng cộng 139.406.223 đồng, Công ty T đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty C số tiền 100.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 39.406.223 đồng.

Đối với những phiếu xuất hàng 004451; 004450; 004452 ngày 26/5/2016 do anh Võ Thành T3 ký nhận hàng thì ông T2 không thừa nhận, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu công ty T trả số tiền mua hàng còn nợ là 144.166.835 đồng, chỉ đồng ý thanh toán số tiền hàng là 39.406.223 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Thành T3 trình bày như sau: Anh làm tài xế cho Công ty T từ cuối năm 2015, vào ngày 26/5/2016, theo sự phân công của ông T2 là giám đốc Công ty T, anh điều khiển xe ô tô tải biển số 70H-5834 đến nhận hàng tại kho hàng của Công ty C và có ký nhận hàng vào phiếu xuất hàng của Công ty C gồm các phiếu xuất hàng 004451; 004450;

004452; còn các phiếu xuất hàng ngày 28/4/2016 thì do anh N là cháu của ông T2 lái xe biển số 70H - 5834 nhận hàng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Áp dụng Điều 24; Điều 34; Điều 50; Điều 55 Luật thương mại năm 2005.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng mua bán” của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ và sản xuất T.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ và sản xuất T có nghĩa vụ trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C số tiền nợ gốc 144.166.835 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, tám trăm ba mươi lăm đồng).

Ghi nhận Công ty Trách nhiệm hữu hạn C không yêu cầu tính lãi suất.

Bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 30/5/2017, người đại diện theo pháp luật của Công ty T là ông Lê Gia T2 có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm người làm chứng trình bày:

- Anh Lê Hoàng N trình bày: Anh là cháu ông T2 và là nhân viên Công ty C, khoảng đầu tháng 5/2016 ông T2 có giao cho anh bán chiếc xe ô tô tải biển số 70H-5834 của Công ty để bán ve chai, anh đã bán chiếc xe trên cho anh Kiều Đình H được số tiền 35.000.000 đồng và anh đã giao số tiền bán xe cho ông T2.

- Anh Kiều Đình H trình bày: Vào khoảng đầu tháng 5/2016, anh có mua từ anh Lê Hoàng N chiếc xe tải biển số 70H-5834 với giá 35.000.000 đồng, anh đã giao đủ số tiền cho anh N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn - Luật sư Đinh Thái H trình bày: Theo điều III của hợp đồng ký kết thể hiện, việc giao hàng thực hiện theo đơn đặt hàng, địa điểm giao hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh không phải giao tại Trảng Bàng, giữa hai công ty không có biên bản đối chiếu công nợ, lời khai của anh T3 không có cơ sở vì các phiếu xuất hàng của Công ty C từ tháng 01/2016 đến 4/2016 không thể hiện việc người nhận hàng ký xác nhận đã nhận đủ hàng, những phiếu xuất hàng do anh T3 ký nhận ngày 26/5/2016. Anh T3 nhận hàng không có ủy quyền của công ty là chưa phù hợp theo quy định của Bộ

luật dân sự. Mặt khác, đơn khởi kiện của Công ty C do Phó giám đốc công ty ký là chưa phù hợp theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty T, sửa án sơ thẩm theo hướng Công ty T chỉ thanh toán số tiền còn nợ là 39.406.223 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Thành T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T3.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của Công ty T chỉ đồng ý thanh toán số tiền mua bán còn nợ là 39.406.223 đồng, không đồng ý thanh toán số tiền theo các phiếu xuất hàng do anh T3 ký nhận là 104.760.612 đồng cho Công ty C thì thấy rằng:

Hợp đồng mua bán số 22/2016/HĐMB ngày 31/12/2015 được ký kết giữa Công ty C với Công ty T để mua bán hàng hóa là sắm lốp xe các loại. Thực hiện hợp đồng Công ty C cung cấp hàng hóa là sắm lốp xe mô tô cho Công ty T theo các phiếu xuất hàng từ tháng 01/2016 đến tháng 3/2016 với số tiền hàng hai bên đã thanh toán.

Tại bản tự khai (BL 210) và tại phiên tòa, ông T2 người đại diện hợp pháp Công ty T thừa nhận Công ty T còn nợ Công ty C số tiền đầu kỳ 50.405.624 đồng và số tiền nợ của 02 phiếu xuất hàng ngày 28/4/2016 theo hóa đơn số 0001802 và 0001803 do anh N là cháu ruột của ông là tài xế xe tải của Công ty T lái chiếc xe tải biển số 70H-5834 ký nhận hàng, tổng cộng số tiền 139.406.223 đồng. Đến ngày 04/5/2016 và ngày 25/5/2016 (BL số 75,76), Công ty T thanh

toán tiếp cho Công ty C số tiền 100.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, do đó chỉ còn nợ số tiền 39.406.223 đồng.

Đối với các phiếu xuất hàng ngày 26/5/2016 do anh T3 ký nhận thì ông T2 không thừa nhận, thì thấy rằng:

Tại phiên tòa ông T2 xuất trình các chứng cứ là đơn hàng của Công ty T từ tháng 01/2016 đến tháng 4/2016 và giấy ủy quyền cho anh Lê Hoàng N, giấy ủy quyền có thể hiện nội dung nơi nhận là Công ty C. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thừa nhận có nhận các văn bản trên của công ty T và Công ty T không xuất trình chứng cứ có giao các văn bản này cho Công ty C. Hơn nữa, các phiếu xuất hàng của Công ty C cho Công ty T từ thời điểm tháng 01/2016 đến 4/2016 được Công ty T xác nhận nợ có 02 phiếu xuất hàng ngày 07/01/2016 và ngày 26/02/2016, do anh T3 ký nhận thể hiện không có việc ủy quyền của Công ty T.

Ngoài ra, ông T2 và người làm chứng cho rằng xe tải biển số 70H-5834 đã bán vào khoảng đầu tháng 5/2016 thì thấy rằng, ông T2, anh N thừa nhận xe của công ty, thời điểm ngày 28/4/2016, anh N vẫn còn sử dụng xe trên để vận chuyển hàng, ông T2 không xuất trình được tài liệu chứng minh việc ông bán xe, ông T2 thừa nhận xe của công ty nhưng ông không làm thủ tục thanh lý xe và ông cũng không nhập tiền bán xe vào tài sản công ty.

Mặt khác, ông T2 thừa nhận anh T3 là nhân viên công ty nhưng ông cho rằng anh T3 đã nghỉ việc. Tuy nhiên, ông không có chứng cứ chứng minh tại thời điểm anh T3 nhận hàng của Công ty C thì anh T3 đã nghỉ việc tại Công ty T và Công ty T cũng không có văn bản nào thông báo cho Công ty C về việc anh T3 đã nghỉ việc. Quá trình giải quyết vụ án anh T3 là nhân viên Công ty T xác nhận ngày 26/5/2016 được sự phân công của ông T2 thì anh điều khiển xe 70H - 5834 đến Công ty C để nhận hàng, các phiếu xuất hàng ngày 26/5/2016 thể hiện rõ nội dung anh T3 đã nhận đủ hàng.

Đơn khởi kiện ngày 29/9/2016, do Phó giám đốc Công ty C ký trên cơ sở có văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của công ty là phù hợp với quy định tại Điều 139 Bộ luật dân sự 2005 và hình thức của đơn phù hợp với Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do yêu cầu kháng cáo của Công ty T không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24; Điều 34; Điều 50; Điều 55 Luật thương mại năm 2005; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ và sản xuất T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ và sản xuất T có nghĩa vụ trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C số tiền nợ gốc 144.166.835 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, tám trăm ba mươi lăm đồng).

Ghi nhận Công ty Trách nhiệm hữu hạn C không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C, nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ và sản xuất T chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi tính theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ và sản xuất T phải chịu 7.208.000 đồng (Bảy triệu, hai trăm lẻ tám ngàn đồng).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.604.000 đồng (Ba triệu, sáu trăm lẻ bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003260 ngày 12/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Án phí phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ và sản xuất T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc

thẩm là 2.000.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004173 ngày 31 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh, còn phải nộp tiếp số tiền là 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TP.T;
- Chi cục THADS TP.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Phượng